TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST
Ngày 14-4-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Ông Nguyễn Trường Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H1 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn

ngày 28/9/2007 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 thường xuyên uống rượu say rồi về đánh đập, chửi bới vợ con thậm tệ, chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H1 vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh, cãi chửi nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng, nặng nề. Từ tháng 7 năm 2022 đến nay vợ chồng đã li thân nhau không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H1.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn H1 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Trần Thị Thu H và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị H đã trình bày. Anh H1 xác định sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra to tiếng cãi, chửi nhau, mặc dù cả hai đã cố gắng bỏ qua cho nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh H1 thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Phạm Thị Phương C, sinh ngày 31/12/2008 và Phạm Thị Phương L, sinh ngày 16/10/2012, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh H1. Cả chị H và anh H1 đều xin được nuôi dưỡng các cháu C, L và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H và anh H1 thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh H1 thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo qquy định tại Điều 70, 72 Bộ luật

Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu H: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Văn H1. Về con chung: Giao cả hai cháu Phạm Thị Phương C, sinh ngày 31/12/2008 và Phạm Thị Phương L, sinh ngày 16/10/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được, anh H1 không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Phạm Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/9/2007 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 thường xuyên uống rượu say rồi vô cớ gây sự, đánh đập, chửi bới vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi, chửi nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh H1; còn anh H1 mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2012 là thực tế, từ tháng 6/2022 đến nay anh chị li thân nhau không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh H1 có hai con chung là Phạm Thị Phương C, sinh ngày 31/12/2008 và Phạm Thị Phương L, sinh ngày 16/10/2012, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh H1. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi

mặt của con cũng như phải xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy cháu C và cháu L đều là con gái nên cần được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ mới đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm, sinh lí và thể chất; bản thân cháu C và cháu L cũng đều có nguyện vọng tha thiết xin được ở với mẹ vì lí do anh H1 thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới làm ảnh hưởng đến tâm lí và ảnh hưởng đến việc học hành của các cháu; ngoài ra, chị H đang làm việc tại Công ty Cổ phần may KB có trụ sở tại thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, có thu nhập ổn định hàng tháng từ 11.000.000 đồng trở lên nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con. Vì vậy, cần giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu C và cháu L, anh H1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H và anh H1 cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Phương C, sinh ngày 31/12/2008 và cháu Phạm Thị Phương L, sinh ngày 16/10/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000222 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo